

KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ 11: TRƯỜNG TIỂU HỌC

Thời gian thực hiện 2 tuần

(Từ ngày 19/05/2025 đến ngày 30 /05/2025)

I. Lĩnh vực, mã hoá mục tiêu, mục tiêu giáo dục theo chủ đề, nội dung giáo dục theo chủ đề:

Mục tiêu giáo dục theo chủ đề			Nội dung giáo dục theo chủ đề			Dự kiến nội dung hoạt động
3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	
1. Phát triển thể chất:						
a. Phát triển vận động:						
- MT 1: Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng: + Trẻ trai: 12,7 - 21,2 kg + Trẻ gái: 12,3 - 21,5 kg - Chiều cao: + Trẻ trai: 94,9 - 111,7 cm + Trẻ gái: 94,1 - 111,3 cm.	- MT 1: Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng: + Trẻ trai: 14,1 - 24,2 kg + Trẻ gái: 13,7 - 24,9 kg - Chiều cao: + Trẻ trai: 100,7 - 119,2 cm + Trẻ gái: 99,9 - 118,9 cm	- MT 1: Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng: + Trẻ trai: 15,9 - 27,1 kg + Trẻ gái: 15,3 - 27,8 kg - Chiều cao: + Trẻ trai: 106,1 - 125,8 cm + Trẻ gái: 104,9 - 125,4 cm	- Đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi. - Kiểm tra sức khỏe định kì: 2 lần/năm - Cân, đo trẻ theo quý, mỗi quý cân, đo một lần. - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển. - Các biện pháp phòng chống dịch bệnh; can thiệp sớm đối với trẻ suy dinh dưỡng và có nguy cơ suy dinh dưỡng.		- Hoạt động ăn, ngủ. - Ăn đầy đủ các chất theo thực đơn, ngủ đủ giấc. - Hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng: Phối hợp với cha mẹ trẻ chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng và có nguy cơ suy dinh dưỡng.	
- MT 2: Trẻ thực hiện được đầy đủ, đúng,	- MT 2: Trẻ thực hiện được đầy đủ, đúng,	- MT 2: Trẻ thực hiện đúng thuần thực các	- Hô hấp : Hít vào, thở ra. - Tay: Đưa tay ra phía trước, sang ngang. - Bụng: Cúi người về trước.		- Hoạt động đón trẻ - thể	

nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn.	nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Chân - bật: Khụy gối - Bật về các phía.			dục sang: Tập thể dục buổi sáng – bài tập phát triển chung - Hoạt động học: Tập bài tập phát triển chung
- MT 11: Trẻ biết chạy 15m liên tục theo hướng thẳng.	- MT 13: Trẻ biết chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây.	- MT 13: Trẻ biết chạy 18m trong khoảng thời gian 10 giây. (CS12)	- Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây.	- Chạy 18m trong khoảng thời gian 10 giây.	- Hoạt động học: Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.
		- MT 14: Trẻ biết liên tục 150m không hạn chế thời gian. (CS13)			- Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian.	- Hoạt động học: Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian
b. Giáo dục dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe:						
- MT 20: Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống, vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- MT 22: Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống, vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	- MT 25: Trẻ biết một số hành vi trong ăn, uống, vệ sinh, phòng bệnh.	- Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ, ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Lấy tay che miệng hoặc quay ra ngoài khi ho, hắt hơi, ngáp... - Uống nước đã đun sôi...		- Hành vi trong ăn uống có lợi cho sức khỏe: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để nguội mạnh. - Mời cô, mời bạn khi ăn và	- Các hoạt động học tập – vui chơi – Hoạt động vệ sinh ăn uống trong ngày
			- Sử dụng bát, thìa cốc đúng quy cách.	- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ cơm.		

					ăn từ tốn - Không đùa nghịch không làm đổ vỡ	
		- MT 35: Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.			- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè, đi sang đường phải có người lớn dắt, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào	- Giáo dục trẻ trong các hoạt động học tập – vui chơi trong ngày - Trò chuyện – tuyên truyền, trao đổi cùng phụ huynh

2. Phát triển nhận thức:

a. Khám phá khoa học:

- MT 35: Trẻ phân loại được các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật.	- MT 37: Trẻ phân loại được các đối tượng theo 1-2 dấu hiệu.	- MT 46: Trẻ biết phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu công dụng. (CS96)	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại các đối tượng theo 1 dấu hiệu nổi bật.	- Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu.	- Phân loại những đồ dùng đồ chơi theo 2- 3 dấu hiệu.	- Hoạt động học có chủ định: Khám phá xã hội: Tìm hiểu một số đồ dùng học tập lớp 1
---	---	---	---	---	---	---

b. Làm quen với toán:

	- MT 45: Trẻ nhận biết được ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- MT 55: Trẻ nhận biết được các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.		- Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe...)	- Hoạt động học có chủ định: Làm quen với toán: Ý nghĩa các con số.	
- MT 40: Trẻ biết tách, gộp nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5.	- MT 46: Trẻ biết tách, gộp nhóm đối tượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- MT 56: Trẻ biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm và so sánh số lượng của các nhóm (CS105)	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một số nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ.	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	- Hoạt động học có chủ định: Làm quen với toán: Tách gộp trong phạm vi 10	
c. Khám phá xã hội:						
- MT 47: Trẻ nói được tên trường, lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- MT 54: Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên, nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- MT 67: Trẻ nói được tên, địa chỉ của trường, lớp, công việc của cô giáo, các bác công nhân viên, họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, lớp mẫu giáo. - Tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	- Tên, địa chỉ của trường, lớp. - Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn ; các hoạt động của trẻ ở trường.	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non, công việc của các cô bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.	- Hoạt động học có chủ định: Khám phá xã hội: Tìm hiểu một số đồ dùng học tập lớp 1
- MT 48: Trẻ kể được tên của	- MT 55: Trẻ kể được tên và	- MT 68: Trẻ kể tên một số	- Ngày lễ hội của địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của	- Hoạt động học có chủ định:	

một số lễ hội, kể tên một vài danh lam, thắng ở phương.	nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội, kể tên và nêu được một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội và nêu vài đặc điểm đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử, quê hương đất nước.		quê hương, đất nước.	Khám phá xã hội: Tìm hiểu ngày tết thiếu nhi
---	---	--	--	----------------------	--

3. Phát triển ngôn ngữ:

a. Nói:

- MT 53: Trẻ nói rõ các tiếng.	- MT 60: Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- MT 74: Trẻ biết nói rõ ràng. (CS65)	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt	- Phát âm các tiếng có chứa các âm.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Diễn đạt ý tưởng, biết bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân	- Các hoạt động học tập – vui chơi trong ngày
---------------------------------------	--	--	------------------------------------	-------------------------------------	---	---

					bằng các câu hỏi. - Phát biểu một cách rõ ràng những trải nghiệm của riêng mình. - Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được.	
- MT 55: Trẻ biết sử dụng câu đơn, câu ghép.	- MT 62: Trẻ biết sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- MT 76: Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp. (CS67)	- Câu đơn, câu ghép trong giao tiếp khi tham hoạt động vui chơi, trò chuyện với người khác... - Trả lời và đặt câu hỏi: Ai?; Cái gì?; Ở đâu?; khi nào?; Để làm gì?.	- Các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp (trong lúc chơi, trò chuyện với người khác...) - Trả lời và đặt câu hỏi: Ai?; Cái gì?; Ở đâu?; khi nào?; Để làm gì?.	- Câu ghép, câu khẳng định, phủ định, câu mệnh lệnh? - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh và đặt câu hỏi: Tại sao? Như thế nào? - Đặt các câu hỏi: Tại sao?; Như thế nào?; Làm gì?	- Các hoạt động học tập – vui chơi trong ngày
c. Làm quen với đọc và viết:						
		- MT 89: Trẻ thích đọc những			- Làm quen với cách đọc và viết	- Hoạt động học: Làm quen

		chữ đã biết trong môi trường xung quanh. (CS79)			tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Thường xuyên bắt chước viết hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe. - Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động liên quan đến đọc viết của lớp. - Chú ý đến hành động viết của người lớn. - Sao chép lại những câu và những từ vựng đơn giản dụng cụ viết, vẽ...để viết vào giấy thoải mái.	với chữ cái: + Làm quen với chữ cái v, r + Trò chơi với chữ v, r - Các hoạt động học tập – vui chơi trong ngày
		- MT 98: Trẻ biết “Viết” tên			- Sao chép tên của bản thân	- Hoạt động học: Làm quen

		của bản thân theo cách của mình. (CS89)			theo trật tự cố định trong các hoạt động. - Nhận ra tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ	với chữ cái: + Làm quen với chữ cái v, r + Trò chơi với chữ v, r
4. Phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội:						
		- MT 107: Trẻ chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày. (CS33)			- Chủ động độc lập trong 1 số hoạt động.	- Các hoạt động học tập vui chơi trong ngày
		- MT 115: Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. (CS41)			- Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	- Các hoạt động học tập vui chơi trong ngày
		- MT 130: Trẻ biết quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn. (CS60)			- Có ý kiến về sự công bằng giữa các trẻ. - Nêu cách tạo sự công bằng và thể hiện mong muốn về sự công bằng.	- Các hoạt động học tập vui chơi trong ngày
5. Phát triển thẩm mỹ:						

a. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình:						
- MT 87: Trẻ nhận ra bài hát, bản nhạc.	- MT 96: Trẻ nhận ra các loại nhạc khác nhau.	- MT 142: Trẻ nhận ra giai điệu (vui, buồn, êm dịu) của bài hát hoặc bản nhạc (CS99)	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca)	- Nghe và nhận biết các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	- Hoạt động học: Âm nhạc: Vận động: Cháu vẫn nhớ trường Mầm non. Nghe hát: Em yêu trường em.
- MT 89: Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách nhịp, vận động minh họa).	- MT 98: Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức.	- MT 144: Trẻ biết thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc. (CS101)	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	- Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	- Hoạt động học: Âm nhạc: Vận động: Cháu vẫn nhớ trường Mầm non.
		- MT 146: Trẻ thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình.			- Làm ra sản phẩm tạo hình không giống các bạn khác. - Thực hiện	- Hoạt động học tập vui chơi trong ngày

		(CS118)			cùng nhiệm vụ như các bạn nhưng theo cách khác các bạn.	
		- MT 147: Trẻ thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau. (CS 119)			- Xây dựng các công trình từ các khối xây dựng khác nhau. - Có vận động múa minh họa, múa sáng tạo khác với hướng dẫn của cô.	- Hoạt động vui chơi ở các góc
- MT 91: Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành các bức tranh, xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. Biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản	- MT 100: Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh; xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. Làm lõm,	- MT 148: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, cắt, xé dán để tạo thành bức tranh, phối hợp các kỹ năng nặn; xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Sử dụng các kỹ năng: vẽ, nặn, cắt dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng các kỹ năng: vẽ, nặn, cắt dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục.	- Hoạt động học Tạo hình: Vẽ trường tiểu học - Hoạt động vui chơi ở góc: Vẽ, tô màu trường tiểu học. Vẽ tô màu một số đồ dùng học tập- đồ chơi. Làm sách về trường tiểu học. Xem sách và làm

phẩm có 1 hoặc 2 khối; xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	dễ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.					sách về ngày tết thiếu nhi. Vẽ tự do trên sân trường, vẽ theo ý thích.
b. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật:						
- MT 93: Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích và đặt được tên cho sản phẩm tạo hình	- MT 102: Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt được tên cho sản phẩm tạo hình.	- MT 150: Trẻ nói về ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. (CS103)	- Tạo ra các sản phẩm theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm của mình	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình - Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng, bố cục - Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Tìm kiếm lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra	- Hoạt động học Tạo hình: Vẽ trường tiểu học - Hoạt động vui chơi ở góc: Vẽ, tô màu trường tiểu học. Vẽ tô màu một số đồ dùng học tập- đồ chơi. Làm sách về trường tiểu học. Xem sách và làm sách về ngày tết thiếu nhi.

					sản phẩm theo ý thích.	
		- MT 151: Trẻ biết đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát. (CS117)			- Đặt lời theo giai điệu bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc 1 đoạn)	- Hoạt động học: Âm nhạc: Vận động: Cháu vẫn nhớ trường Mầm non.

II. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tháng:

- Thuận lợi:
- Khó khăn:
- Tồn tại:
- Nguyên nhân:

CHỦ ĐỀ NHÁNH 1: TRƯỜNG TIỂU HỌC

Thời gian thực hiện 2 tuần

(Từ ngày 19/05/2025 đến ngày 23/05/2025)

Kế hoạch tuần 34

Thứ Thời điểm	Thứ hai (19/05)	Thứ ba (20/05)	Thứ tư (21/05)	Thứ năm (22/05)	Thứ sáu (23/05)
Đón trẻ Thể dục sáng	1. Đón trẻ: - Đón trẻ vào lớp, trẻ tự cất đồ dùng cá nhân của trẻ, về chủ đề mới, nhắc nhở phụ huynh cung cấp thêm cho trẻ những hiểu biết về trường tiểu học. Cho trẻ vào quan sát góc nổi bật của chủ đề. - Trao đổi với phụ huynh về tình hình hát hiện ra chủ đề mà trẻ đang khám phá. Cho trẻ xem tranh ảnh về trường tiểu học. Cùng trẻ trò chuyện về cảnh đẹp của quê hương. Nghe các bài hát về chủ đề. - Chơi theo ý thích. 2. Thể dục sáng: Tập trên nền nhạc - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: Đưa tay ra phía trước, sang ngang. - Bụng: Cúi người về trước. - Chân - bật: Khụy gối - Bật về các phía. 3. Điểm danh.				
Hoạt động học	* Thể dục: - VĐCB: Chạy 18m trong khoảng thời gian 10 giây. - TCVĐ: Chuyển bóng.	* Làm quen với chữ cái: - Làm quen với chữ cái v, r	* Khám phá xã hội: - Tìm hiểu một số đồ dùng học tập lớp 1	* Âm nhạc: - NDTT: Vận động: Cháu vẫn nhớ trường Mầm non. - NDKH: + Nghe hát: Em yêu trường em. + TCÂN: Hát theo hình vẽ.	* Tạo hình: - Vẽ trường tiểu học (Đề tài).
Chơi, hoạt động ở các góc	* Góc phân vai: Gia đình. Lớp học. Cửa hàng bán đồ dùng học tập * Góc xây dựng: Xây dựng trường tiểu học. Xây công viên. * Góc tạo hình: Vẽ, tô màu trường tiểu học. * Góc âm nhạc: Hát, vận động, đọc thơ những bài có nội dung về chủ đề.				

	* Góc học tập - thư viện: Làm sách về trường tiểu học. Xem tranh ảnh về trường tiểu học. * Góc khoa học – thiên nhiên: Chăm sóc cây, lau lá, tưới cây.				
Chơi ngoài trời	* Hoạt động có mục đích: Ra sân trường, quan sát bầu trời, trò chuyện về thời tiết lắng nghe các âm thanh trên sân trường. Hoạt động lao động: Nhặt lá trên sân trường. Quan sát trường tiểu học. * Trò chơi vận động: Chuyển trứng, chạy tiếp cờ, ném vòng cổ chai. * Chơi tự chọn: Chơi với đồ chơi ngoài trời, vẽ theo ý thích. Thổi bong bóng xà phòng.				
Chuẩn bị tiếng Việt	- Chạy 18m trong khoảng thời gian 10 giây.	- Viên phấn - Quyển truyện.	- Cặp sách, quyển vở, quyển sách, bút máy.	- Gấu Mi Sa - Búp bê. Náo nức	- Trường tiểu học
Ăn chính, ngủ, ăn phụ	- Cho trẻ ăn chính: Hướng dẫn trẻ rửa tay đúng cách trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, lau miệng. - Cho trẻ ngủ: Hướng dẫn trẻ ngủ ngay ngắn, giữ gìn trật tự. - Cho trẻ vận động nhẹ sau khi ngủ dậy - Cho trẻ ăn phụ.				
Chơi hoạt động theo ý thích	*. Ôn luyện: - Ôn: Chạy 18m trong khoảng thời gian 10 giây. - Ôn: Chữ cái v, r - Ôn: Quan sát – trò chuyện về một số đồ dùng học tập lớp 1 - Ôn: Vận động: Cháu vẫn nhớ trường Mầm non - Ôn: - Vẽ trường tiểu học (Đề tài). *. Chơi, hoạt động theo ý thích: - Hoạt động góc theo ý thích. Chơi tự chọn				
Trả trẻ	* Nêu gương: - Nhận xét – nêu gương cuối ngày. - Nhận xét – nêu gương cuối tuần. * Trả trẻ: - Vệ sinh cá nhân. - Chơi tự do - Trao đổi với phụ huynh. - Chuẩn bị đồ dùng cá nhân của trẻ.				

Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tuần:

- Thuận lợi:
- Khó khăn:
- Tồn tại:
- Nguyên nhân:

CHỦ ĐỀ NHÁNH 2: TẾT THIẾU NHI

Thời gian thực hiện: 1 tuần

(Từ ngày 26/05/2025 đến ngày 30/05/2025)

Kế hoạch tuần 35

Thứ Thời điểm	Thứ 2 (26/05)	Thứ 3 (27/05)	Thứ 4 (28/05)	Thứ 5 (29/05)	Thứ 6 (30/05)
Đón trẻ - Thể dục sáng	1. Đón trẻ: - Đón trẻ vào lớp, trẻ tự cất đồ dùng cá nhân. - Trao đổi với phụ huynh về tình hình của trẻ, về chủ đề mới, nhắc nhở phụ huynh cung cấp thêm cho trẻ những hiểu biết về tết thiếu nhi. Cho trẻ vào quan sát góc nổi bật của chủ đề, phát hiện ra chủ đề mà trẻ đang khám phá. Cho trẻ xem tranh ảnh về chủ đề. Nghe các bài hát về chủ đề. - Chơi theo ý thích. 2. Thể dục sáng: Hô hấp: Hít vào, thở ra Tay: Đưa tay ra phía trước, sang ngang Bụng: Đứng quay người sang hai bên. Chân – bật: Khụy gối - Bật đưa chân sang ngang. 3. Điểm danh.				
Hoạt động học	* Thể dục: - VĐCB: Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian - TCVĐ: Kéo co	* Làm quen với chữ cái: - Trò chơi với chữ v, r	* Khám phá xã hội: - Tìm hiểu ngày tết thiếu nhi	* Âm nhạc: NDTT: <i>Biểu diễn văn nghệ:</i> Cháu vẫn nhớ trường Mầm non. Em yêu trường em. Tạm biệt búp bê. - NDKH: + Nghe hát “Ngày đầu tiên đi học” + TCÂN: Tai ai tình	* Làm quen với toán - Ý nghĩa các con số.
	* Góc phân vai: Cửa hàng, gia đình.				

Chơi, hoạt động ở các góc	* Góc xây dựng: Xếp công viên, xây trường tiểu học. * Góc tạo hình: Vẽ tô màu một số đồ dùng học tập- đồ chơi. * Góc âm nhạc: Hát, đọc thơ về chủ đề * Góc học tập - thư viện: Xem sách và làm sách về ngày tết thiếu nhi. * Góc khoa học - thiên nhiên: Chăm sóc cây, lau lá, tưới cây.				
Chơi ngoài trời	* Hoạt động có mục đích: Ra sân trường quan sát bầu trời, trò chuyện về thời tiết. Quan sát cây phượng. Hoạt động lao động: chăm sóc vườn hoa. * Trò chơi vận động: Cướp cờ, bánh xe quay, chuyển bi. * Chơi tự do: Nhặt lá rụng. Vẽ tự do trên sân trường, chơi với đồ chơi ngoài trời.				
Chuẩn bị tiếng Việt	- Chạy liên tục 150m.	- V, r	- Ngày tết thiếu nhi.	- Trường mầm non - tạm biệt búp bê	- Ý nghĩa các con số.
Ăn chính, ngủ, ăn phụ	- Cho trẻ ăn chính: Hướng dẫn trẻ rửa tay đúng cách trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, lau miệng. - Cho trẻ ngủ: Hướng dẫn trẻ ngủ ngay ngắn, giữ gìn trật tự. - Cho trẻ vận động nhẹ sau khi ngủ dậy - Cho trẻ ăn phụ.				
Chơi hoạt động theo ý thích	* Ôn luyện: - Ôn: Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian. - Ôn: Trò chơi với chữ cái v, r. - Ôn: Quan sát – trò chuyện về ngày tết thiếu nhi - Ôn: Hát: Cháu vẫn nhớ trường Mầm non. Em yêu trường em. Tạm biệt búp bê. - Ôn: Ý nghĩa các con số. * Hoạt động theo ý thích: - Hoạt động góc theo ý thích. - Chơi tự chọn				
Trả trẻ	* Nêu gương: Nhận xét – nêu gương cuối ngày. - Nhận xét – nêu gương cuối tuần. * Trả trẻ: Vệ sinh cá nhân. - Chơi tự do - Trao đổi với phụ huynh. - Chuẩn bị đồ dùng cá nhân của trẻ.				

Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tuần:

- Thuận lợi:
- Khó khăn:
- Tồn tại:
- Nguyên nhân:

DỰ KIẾN MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: TRƯỜNG TIỂU HỌC

1. Chuẩn bị học liệu:

2. Tổ chức thực hiện

a) Giới thiệu chủ đề:

b) Khám phá chủ đề:

c. Tăng cường tiếng Việt:

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ TRƯỜNG TIỂU HỌC

+ Mục tiêu chưa đạt:

+ Nội dung chưa thực hiện được:

+ Nguyên nhân:

+ Biện pháp khắc phục:

Đồng Sơn, ngày 16 tháng 5 năm 2025

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lý Thị Xâm

